

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/10/2019

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hằng

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đoàn Hạnh Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Tòa án Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm N, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn x Đ, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm N trình bày: Chị N và anh C xây dựng gia đình với nhau năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khi chị N sinh con thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C sa vào tệ nạn như sử dụng chất gây nghiện và đánh bạc, mang tài sản đi cầm cố. Chị N và gia đình cũng đã động viên nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng xảy ra xung đột và làm tổn thương lòng tự trọng của nhau. Do không thể chịu đựng được nên chị N đã ra ngoài sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị N yêu cầu được ly hôn. Về con chung chị N xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Như Y, sinh ngày 17/01/2017. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra, chị N không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị N kết hôn với nhau năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C cầm cố xe để đánh bài nên chị N giận bỏ đi. Sau đó anh đã biết hối hận và xin chị N tha thứ nhưng chị N lại đưa đơn ra tòa yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy, anh C đề nghị Tòa án giúp anh tiến hành hòa giải để anh có cơ hội làm lại từ đầu cùng chị N xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm lo cho con. Hơn nữa, anh C xác định anh còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn. Về con chung anh C xác định có một con chung như chị N đã trình bày, trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi con không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung anh C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng các đương sự không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc gì về các tài liệu chứng cứ do đương sự nộp cũng như các chứng cứ do Tòa án thu thập mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Cẩm N. Về con chung: Giao con là Nguyễn Như Y, sinh ngày 17/01/2017 cho anh C có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/01 tháng nên cần ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 08/7/2016. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên chị N làm đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn anh C xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên mong muốn chị N tạo cơ hội cho anh sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh C cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị N và anh C phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, hơn nữa anh C lại không chăm lo cho cuộc sống gia đình, có tham gia đánh bạc nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Mặt khác, vợ chồng lại không cố gắng tìm biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng mà xử sự thiếu kiềm chế, chị N giận chồng nên bỏ nhà ra ngoài sống khiến cho mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay không còn sự quan tâm chăm sóc nhau. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị Trần Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn C được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Chị N và anh C có một con chung là Nguyễn Như Y, sinh ngày 17/01/2017. Xét thấy, cháu Y còn nhỏ, lại là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị N xác định hiện nay chị đi làm, điều kiện chỗ ăn ở của chị chưa ổn định nên chị N đồng ý giao con cho anh C nuôi dưỡng, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng một tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01/11/2019. Đây là sự tự nguyện của

chị N nên cần ghi nhận. Hơn nữa, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Y vẫn sống với anh C ổn định. Vì vậy, căn cứ Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo sự ổn định về việc học tập và sinh hoạt của con cần giao con cho anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng một tháng là phù hợp.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

[4] *Về án phí*: Buộc chị Trần Thị Cẩm N phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm N, xử cho chị Trần Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Nguyễn Như Y, sinh ngày 17/01/2017 cho anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Cẩm N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01/11/2019 trở đi cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (khi án đã có hiệu lực pháp luật) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, cộng chung là 600.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Cẩm N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001245 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị Trần Thị Cẩm N còn phải nộp tiếp 300.000đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Báo cho chị N, anh C biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/10/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy